

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST

Ngày 17/6 /2022

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH KON TUM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hòa; bà Lưu Thị Bích Giang;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum tham gia phiên
tòa: Ông Đàm Công Tư - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Kon
Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số
32/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST- HNGĐ
ngày 04 tháng 5 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-
HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị H; Sinh năm 1984; có mặt;

2. Bị đơn: Anh Lê Đình K; Sinh năm 1983; vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Kon Tum;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Nguyên đơn là chị Trần Thị H khởi kiện xin được ly hôn với anh Lê Đình
K với lý do theo chị H trình bày:*

Chị và anh K lấy nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 01 tháng 5
năm 2003, ngay khi về chung sống chị đã cảm thấy không có hạnh phúc, vì anh
K hay chơi bời lêu lè, nhậu nhẹt, cờ bạc, ít chăm lo cho gia đình. Hiện nay, anh
K nghiện rượu nặng, ngày nào cũng uống và uống lai rai cả ngày, không mấy lo
làm ăn, trong khi các con chị mỗi ngày một lớn đòi hỏi chi tiêu nhiều hơn nhưng
trong gia đình hầu như một mình chị chèo chống, lo toan, chị lại không nhận
được sự trách nhiệm, sẽ chia từ chồng, ngược lại nhiều lần anh K say rượu chửi
bới chị, thậm chí đánh đập chị, gây cho chị nhiều áp lực, tủi khổ, chị đã phải
đem theo các con thuê nhà để ở riêng, sống ly thân với anh K. Đến nay chị cảm

thấy tình cảm giữa chị và anh K không còn và không thể sống cam chịu mãi nên đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Đình K.

Về phần con chung: Giữa chị với anh Lê Đình K có 03 con chung: Cháu thứ nhất Lê Đ, sinh ngày 27/02/2004, cháu đã trưởng thành và tự lập được không yêu cầu Tòa án giải quyết; cháu thứ hai Lê Thị H, sinh ngày 21/4/2011; cháu thứ ba Lê Đình A, sinh ngày 07/9/2012. Sau khi ly hôn chị H xin nhận nuôi cháu H và cháu A, không yêu cầu anh K đóng góp tiền nuôi con.

Về phần tài sản nguyên đơn không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn là anh Lê Đình K: Trong suốt quá trình thụ lý, giải quyết vụ án bị đơn không có ý kiến văn bản gửi cho Tòa án, không tham gia tố tụng tại Tòa, mặc dù đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ.

Ý kiến vị đại diện Viện kiểm sát: Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; thẩm phán, các hội thẩm nhân dân, thư ký tòa án tuân thủ và thực hiện đúng theo qui định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành việc tham gia tố tụng tại Tòa. Bị đơn không chấp hành tham gia tố tụng là từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn đã vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa; Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là đúng.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đánh giá mâu thuẫn giữa chị Trần Thị H với anh Lê Đình K ở mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H theo khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Về phần nuôi con: Đề nghị Hội đồng giao hai con chung là cháu Lê Thị H, cháu Lê Đình A cho chị H nuôi dưỡng theo nguyện vọng của hai con theo các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Về phần án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Qua xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án xác định quan hệ pháp luật về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con”, Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo vụ việc, lãnh thổ. Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ, bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Như vậy, bị đơn đã từ bỏ quyền và không chấp hành nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng; Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Lê Đình K kết hôn với nhau tự nguyện, không có sự ép buộc, lừa dối, đăng ký kết hôn vào ngày 01/5/2003, được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng qui định, hôn nhân giữa anh chị được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Nay chị Hòa xin ly hôn với anh K, theo chị H trình bày ngay khi về chung sống chị đã cảm thấy không có hạnh phúc, vì anh K hay chơi bời lêu đẽ, nhậu nhẹt, cờ bạc, ít chăm lo cho gia đình. Hiện nay anh K nghiện rượu nặng, uống lai rai cả ngày, không mấy lo làm ăn, nhiều lần say rượu anh K chửi bới chị, thậm chí đánh đập chị, gây cho chị nhiều áp lực, chị đã phải đem theo các con thuê nhà ở riêng và sống ly thân với anh K.

Anh K không tham gia tố tụng và không có ý kiến trình bày gửi cho Tòa án. Qua ý kiến trình bày của chị H, Tòa án đã xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh K, chị H cư trú, được biết: Tình trạng hôn nhân giữa chị H với anh K đúng như chị H trình bày. Chị H là người hiền lành, chịu khó, sống cam chịu, một mình bươn chải vất vả, hàng ngày đi thu mua nhôm nhựa, ve chai để lo cho các con và kinh tế gia đình. Anh K cũng có nghề sửa chữa xe máy và điện tử nhưng suốt ngày uống rượu, không mấy lo làm ăn, anh K nghiện rượu hơn chục năm nay, nhiều lần say rượu anh K chửi bới chị, thậm chí đánh đập chị. Như vậy, anh K đã có hành vi bạo lực gia đình được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 của Luật phòng chống bạo lực gia đình. Anh K cũng chưa thực hiện tốt, đúng nghĩa vụ của người chồng, cùng giữ gìn, tôn trọng, lo toan, chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình với vợ, là đã vi phạm các Điều 17, 18, 19, 21 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đây là nguyên nhân chính làm cho hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị H.

[3] Về con chung: Anh chị có ba con chung. Cháu Lê Đ, sinh ngày 27/02/2004, đã trưởng thành và tự lập được, cả chị H và cháu Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đề cập đến. Còn các cháu Lê Thị H, sinh ngày 21/4/2011 và cháu Lê Đình A, sinh ngày 07/9/2012 đều có nguyện vọng xin được ở với chị H. Anh Lê Đình K không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con sau khi ly hôn. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu nhận nuôi con của chị H, giao các cháu Lê Thị H và Lê Đình A cho chị H nuôi dưỡng đến khi con thành niên và có khả năng lao động, anh K không phải đóng góp tiền nuôi con theo sự tự nguyện của chị H.

[4] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị H đơn phương ly hôn nên phải nộp toàn bộ án ly hôn sơ thẩm không phụ thuộc vào việc được Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), để nộp ngân sách Nhà nước, chị H được chuyển số tiền tạm ứng án phí sang án phí theo quy định tại Điều 144,

khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 và danh mục án phí của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 2 của Luật phòng chống bạo lực gia đình; các Điều 17, 18, 19, 21, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 144 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 và danh mục án phí của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền kháng cáo:

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị H được ly hôn với anh Lê Đình K. Quan hệ hôn nhân giữa anh chị chấm dứt kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao cháu Lê Thị H, sinh ngày 21/4/2011 và cháu Lê Đình A, sinh ngày 07/9/2012 cho chị Trần Thị H nuôi dưỡng, theo nguyện vọng của các cháu, cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động. Anh Lê Đình K không phải đóng góp tiền nuôi con. Sau khi ly hôn bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con; Các bên có quyền thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng đối với bên không trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật.

2. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, để nộp ngân sách Nhà nước. Chị H được chuyển 300.000đ tiền tạm ứng án phí sang án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0002740 ngày 28-02-2022 của chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Kon Tum.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/6/2022). Anh Lê Đình K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Kon Tum.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- Viện kiểm sát nhân dân huyện.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Hảo